

TỪNG LỚP HỌC TRÒ... (5)

(Tâm Bút)

*Tùng “lớp học trò”
bỏ ta đi như những giòng sông nhỏ
Ôi! Những giòng sông nhỏ! (...)
Nhìn lại mình, đời đã hoang vu!
(Mượn lời nhạc Trịnh Công Sơn).*

(Bài nhớ riêng về Lộ, Lạc Dương, Dalat).

I.

Nếu nói rằng tôi từng có một cậu học trò người Dân Tộc, thọ giáo trên dưới mười năm mà chẳng có một trang giấy, một cây bút nào cầm tay khi học, lại thân thiết, xem tôi như người mẹ, đối xử với Âu Cơ như đứa em ruột, thì chắc chẳng ai tin.

Nhưng, tôi nói thật. Tôi đã có thật đứa học trò như vậy. Cụm từ “*Con là học trò của Cô và Cô là mẹ con*” phát ra nhiều lần từ đôi môi Lộ trong suốt những tháng ngày theo “*học những bài học Đời với Cô Bông Giấy*”.

Trên từng lớp học trò đi qua đời tôi đều có ghi đậm dấu ấn thời gian. Hết dấu ấn Xấu-Đẹp thế nào thì sự rung cảm thế nào của trái tim cũng sẽ xảy ra y hệt mỗi lần ký ức sống dậy. Tôi lại là người có khuynh hướng chối bỏ hết những cái Xấu của quá khứ. Do đó mà những lúc ôn lại đời mình trong đêm vắng nơi vùng trời cách xa quê hương hàng vạn dặm, tôi chỉ gạn lọc và giữ lại trong chữ nghĩa mình nỗi rung cảm thiết tha đã nhận từ những đứa học trò cũng đối với mình tha thiết mà thôi. Ngoài ra, cố gắng xóa bỏ hết.

Lộ chính là một đứa nằm trong danh sách những con người được nhớ.

*

**

Trong một bản văn nhận định về người mẹ nghệ sĩ viết năm 16 tuổi, có đoạn Âu Cơ kể:

(...) Những mùa hè vui thú trải qua ở Dalat, Mẹ đã dạy cho tôi rất nhiều điều hay ho trong cuộc sống. Cái cách đối xử đầy lòng nhân ái với những người nghèo khổ ở VN đã gây ấn tượng mạnh, mở ra trong tim tôi một cái nhìn

hương Thiện rõ rệt. Mẹ rất dễ dàng làm quen với họ và được họ đặc biệt yêu quý. Phải công nhận bà là người mẹ kỳ lạ, không giống các người mẹ khác: Mẹ rất ít khi nói với tôi những lời tâm sự như mẹ những đứa bạn tôi, nhưng bằng các hành động cụ thể, thực tế, đã chứng minh cho tôi thấy những cái gì đem được hạnh phúc thật sự đến cho con người: “Lòng tha thứ, Sự hy sinh, Sự làm việc, Sự chịu đựng, Sự đối diện với những khó khăn trong cuộc sống.”

Từ Mẹ, tôi không thấy sợ hãi đời sống hay nỗi cô đơn nữa. Tôi càng yêu quý Mẹ hơn và rất mang ơn bà những điểm này.

(Trích Sức Mạnh Của Sự Cô Đơn, Trần Nghi Âu Cơ viết).

Ở các mùa nghỉ hè, suốt hai tháng trời, mỗi ngày từ 6 giờ sáng, tôi và Âu Cơ luôn luôn là hai người khách đầu tiên đặt chân vào Café Tùng; để rồi kéo dài nhiều giờ trong ngày, từng tốp bạn tìm đến:

+ những nhà văn, nghệ sĩ từ Sài Gòn, Nha Trang lên, hay ngay chính trong Dalat;

+ những chú em quen,

+ những sinh viên Miền Bắc vào Dalat học, làm bồi bàn quán café, trở thành bạn Âu Cơ và Ngọc Nga;

+ những người Dân Tộc làm tài xế xe thô cho mẹ con tôi...

Tất cả đều được tôi chào đón thân thiện qua những cốc café được dọn riêng anh Thông chủ quán Tùng: “*Đừng nhận tiền trả của ai trừ ra của BG.*”

Cái mặc cảm xã hội cao thấp, học thức chênh lệch, hoặc mặc cảm Kinh - Thượng không còn nữa trong các câu chuyện giữa tôi và họ (hay ngay chính giữa họ với họ). Câu nhận xét của Âu Cơ “*Mẹ rất dễ dàng làm quen và được họ đặc biệt yêu quý...*” là THẬT. Một cái cười thân thiện nở ra trên đôi môi tô son màu bạc, một thái độ ấm áp bình dân trong bộ cánh nghệ sĩ khác biệt... là những điều làm cho “họ” tự tin trong sự giao thiệp với “*một nhà văn phóng khoáng từ Mỹ về*” ngay ở lần gặp gỡ đầu tiên.

Lòng quý yêu tôi có lẽ phát sinh từ tâm cảnh đó?

***/ Một kỷ niệm chợt nhớ**, được vội vàng chụp bắt:

Những ngày hè Dalat năm 2000, thuê một căn phòng trọ trên đường Nguyễn Tri Phương cũ (đường mới sau 1975 tên gì chẳng biết), hằng ngày tôi và Âu Cơ đi bộ xuống phố. Một bữa, thấy một anh xe thô đậu trước cửa nhà trọ, cất tiếng mời. Thế là trong suốt 50 ngày, sáng nào anh xe thô cũng đến đưa mẹ con tôi ra phố. Vài bữa ăn trưa, gặp anh đứng chờ khách, cũng mời anh vào quán cùng ăn. Trò chuyện thăm hỏi, biết anh từ Bắc vào Dalat kiếm sống bằng nghề chạy xe ôm, đã lập gia đình. Trong cách đối đáp rất lễ phép, anh gọi tôi là cô và xưng “con”.

Buổi sáng cuối cùng, thấy anh ngập ngừng như có điều muốn nói. Tôi hỏi, anh đáp, điệu rụt rè e ngại:

“Con về kể cho vợ nghe về Cô và em hằng ngày vẫn đi trên xe con, bảo rằng Cô trông sang trọng mà dịu dàng hòa nhã lắm. Vợ con muốn mời Cô và em hôm nay ghé nhà con dùng bữa cơm rau. Mong Cô nhận lời. Chiều nay chạy xe xong, con sẽ đến đón Cô và em về nhà.”

Tôi bật kêu:

“Sao mờ trễ thế? Trưa nay mẹ con Cô phải xuống Sài Gòn để kịp đáp chuyến bay về Mỹ ngày mai. Thôi, cho Cô hẹn hè năm tới gặp lại và sẽ đến dùng cơm Vợ đi.”

Kể chuyện này với nhà văn Hoàng Vũ Đông Sơn gặp ở Sài Gòn hôm sau, nghe anh đưa ra nhận xét:

“Một anh xe ôm mà còn muốn mời BG về nhà ăn bữa cơm rau vợ nấu thì phải biết BG đã thành công chừng nào trong việc chinh phục trái tim những kẻ nghèo.”

Kỷ niệm Dalat từ khởi thủy vào đời ở tuổi ngoài hai mươi cho đến tận bây giờ ở các mùa nghỉ hè quay về chốn cũ... ngập tràn trí nhớ! Nhưng thôi, không cho phép mình lan man nữa. Bài viết này chỉ muốn nói riêng về đứa học trò tên Lộ với một “Dalat thật là Dalat” bất chợt tìm thấy trong vài khoảnh khắc hiếm hoi..

[]

*(Đoạn này viết xong tại San Jose, đêm thứ Hai
Sep. 23/2019 11:37 khuya).*

[]

II.

Mùa hè 2006, cũng bối cảnh cũ, con người cũ ở Café Tùng, một phụ nữ Thượng ngồi chung bàn bỗng nói với tôi:

-Hè năm sau chị BG về Dalat, chắc không còn gặp em đâu.

Tôi ngạc nhiên:

-Sao vậy?

Cái giọng trọt trẹ không rành tiếng Việt đưa ra câu đáp trong nụ cười buồn bã:

-Bởi vì em đã chết.

Kinh hoàng!

“Sao vậy?” và “Sao vậy?” được kêu dồn dập.

Anh K’Jim, người chồng, giải thích:

-Vợ tôi bị ung thư vú. Bác sĩ ở Sài Gòn bảo về bán trâu bán bò, lấy tiền mổ ngay cho vợ, nếu không sẽ có lúc ung thư vỡ ra mà chết. (Vừa nói, anh vừa làm cử chỉ bung năm ngón trên một bàn tay, biểu hiện cái nhọt ung thư vỡ). Trong xóm tôi vừa có một phụ nữ chết, bệnh trạng y hệt như Lý.

Tôi hỏi:

-Vậy sao không cho cô Lý mổ?

Anh K’Jim buồn bã:

-Chúng tôi nghèo, làm gì có trâu bò mà bán. Nên, cứ ba tháng phải đưa Lý xuống Sài Gòn làm xạ trị một lần chứ chẳng biết làm sao.

Trước 1975, K'Jim là một nhân viên Bộ Sắc Tộc.

Sau 30 tháng 4, anh cũng bị CS bắt đi học tập cải tạo như các sĩ quan QLVNCH.

Dáng anh vạm vỡ khoẻ mạnh, tướng mạo đàng hoàng, và đặc biệt đôi mắt nhìn thấy nét rất trung hậu.

Tôi hỏi:

-Nếu mổ cho cô Lý thì phải tốn bao nhiêu?

K'Jim đáp:

-Bác sĩ nói, ông ấy sẽ mổ ngoài giờ làm việc, dùng các dụng cụ y khoa của bệnh viện ung bướu, giá ngoài 30 triệu. Nếu ghi danh mổ trong bệnh viện thì khó khăn lắm, mà chưa chắc đã được nhận.

Tôi quay qua Tuyên:

-Hơn ba mươi triệu đồng VN là bao nhiêu dollars Mỹ?

Tuyên đáp:

-Khoảng một ngàn rưỡi.

Đầu óc tôi ngẫm nhanh một bài toán:

“Trong hai tháng hè, thay vì một ngày uống ba cỡ café thì uống một cỡ thôi, bớt ăn tiêu rộng rãi, dành phần dư thừa cứu cho cô Lý.”

Rồi qua anh K'Jim:

-Tôi sẽ biếu ông bà số tiền ấy. Cứ lo liệu mọi giấy tờ, thủ tục để mổ. Hè năm sau tôi vẫn muốn gặp cô Lý.

Nói rồi, móc ví lấy ra một ngàn rưỡi dollars, đặt trước mặt anh K'Jim.

Cả đám ngẩn ngơ. Mọi việc xảy ra chỉ trong mười phút.

Ở tôi là nỗi sung sướng lâng lâng như vừa uống xong cốc rượu mạnh.

Còn ở đôi mắt cả hai vợ chồng người Thượng đều thấy lấp lánh giọt nước mắt cảm kích, ngỡ ngàng.

*

**

Lộ (con trai út trong cái gia đình đông con theo chế độ mẫu hệ ấy, lớn hơn Âu Cơ một tuổi) và Đạt (cháu ngoại cô Lý, nhỏ hơn Âu Cơ một tuổi) được bố-mẹ-ông-bà-ngoại cắt đặt làm “*tài xế riêng cho em Âu Cơ và cô BG*” trong tất cả mọi cuộc chơi từ đây. Đại gia đình anh K'Jim kết mẹ con tôi như người trong họ tộc.

Biết bao kỷ niệm êm đềm đưa đến và nằm luôn trong ký ức tôi kể từ lần đầu được anh K' Jim mời về thăm rẫy café của gia đình anh tại “*vùng ngoại ô rất là Dalat*”, y hệt Dalat của lần đầu tôi tìm đến. Để rồi, điều “về thăm rẫy” trở thành một thói quen yêu dấu cho tôi và cả đám nhỏ người Kinh.

[Các hình ảnh này bám đeo theo tôi tới tận bên kia bờ đại dương, sừng sững hiện về quấy phá tâm hồn những đêm khuya mất ngủ. Tôi nhớ và nhớ tận cùng từng sự kiện nhỏ, từng mỗi con người mang đậm sắc nét trên những trang đời ấy. Tình cảm không chỉ của “một kẻ yêu quê hương đã mất”, mà còn là của “một nhà văn yêu cái Đẹp hiếm hoi” tìm thấy trong đời.]

Những buổi chiều ở Café Tùng, hề nghe tôi nói hai chữ “Lên đường!” là lũ nhỏ ba lô đeo vai, từng cặp đèo nhau trên xe gắn máy, phóng về khu rẫy.

(Cá chất “bay nhanh hơn chim” dẫu đã quen thuộc với Âu Cơ và đám trẻ thì cũng vẫn là điều làm cho những người khách quen mặt ở đây kinh ngạc).

Gọi về Tuyên ở Dốc Già Làng báo sẽ lên rẫy ngủ, tức thì nghe Tuyên đáp:

-Chị đi đâu thì em theo đó. Chị và đám nhỏ vào trước, tối đóng cửa tiệm xong, em sẽ gọi thằng Lộ ra chở em vô. (Đó là câu nói quen thuộc rất dễ thương của một đứa em tính tình trung hậu!)

Cảm giác thật mạnh lan khắp châu thân ở những lần như thế. Trời bắt đầu tối, con đường lên dốc hẹp tẻ, một bên vách núi, một bên thung lũng. Vậy mà các cái ô gà lồi lõm đều bị đám trẻ coi như pha dưới ngọn đèn xe chiếu từ đầu máy.

Tôi thấy thật nể! (Còn anh K'Jim bảo: “*Nể là nể hai mẹ con cô BG từ Mỹ về mà dám lội suối băng rừng, chứ nể gì tụi con nít kia.*”)

Lúc đến được chòi café thì trời đã tối hẳn.

Đêm đen thăm thẳm, ánh sáng chỉ là lập lòe như ma trời hắt lên từ các mái tranh rải rác của người Dân Tộc nằm dưới thung lũng xa.

Tâm hồn ngây ngất, tôi cứ nói hoài sau lưng Lộ:

-Đây mới đúng là Dalat Cô đi tìm kể từ khi mất nước!

Còn Lộ (cứ vô tư trật đường rầy xúc cảm):

-Ba mẹ đã dặn con với thằng Đạt phải chạy xe cho cẩn thận khi chở Cô và em Âu Cơ.

Tôi bật cười vang “*Cô không sợ đâu*” rồi ngoái nhìn các chiếc xe chạy sau, nghe rõ tiếng cười Âu Cơ và đám nhỏ, lờng lờng trong đêm, thú vị không kém.

Chục lần như một trong ba mùa hè, hành động đầu tiên tôi làm sau khi rời xe Lộ là giang rộng hai cánh tay, hít đầy không khí vào trong buồng phổi. Không phải tôi đang thở mà chính là đang hôn đắm đuối bà mẹ Núi Rừng vừa gặp

lại. Đám trẻ người Kinh và luôn gia đình người Thượng này hẳn không ai hiểu được những tràn trề trong tôi khi ấy. Họ chỉ biết chiều theo tất cả ý thích nào tôi có. Cái chuyện muốn “*ngủ ngay trên hiên, bên ngoài cái chòi*” cũng là một trong nhiều ý thích tôi đưa ra.

Vợ anh K’ Jim bảo:

-Ngủ đây, sương khuya rơi xuống lạnh lắm. Em sợ chị và Âu Cơ chịu không nổi. Để mấy đứa nhỏ chở về nhà em ở Lạc Dương mà ngủ!

Còn anh K’ Jim:

-Cô BG là nghệ sĩ nên thấy ra cái đẹp của Thiên Nhiên. Chứ còn chuyện ngủ, nhà cô bên Mỹ chẳng lẽ không êm ấm hơn nhà mình?

Lòng vị nể từ đầu hè 2006 dành cho anh K’ Jim trên những hiểu biết của một con người từng sống qua một thời Miền Nam cũ, bấy giờ càng đậm trong tôi theo lời anh vừa nhận xét. Tôi gật đầu, phụ họa:

“Đúng, cái đẹp của Thiên Nhiên, muốn tìm cho ra thì chỉ mỗi cách *sống cùng* với nó thôi.”

Thế là mấy đứa con trai nhanh tay xếp những mảnh ván thành một cái sạp rộng ngay dưới mái hiên nhìn ra bầu trời đen thăm thẳm. Chiều được trải, mừng được giăng, chung quanh tất những cái chăn dày mang từ nhà anh K’ Jim ở Lạc Dương đến.

+ Một chỗ ngủ “xếp lớp cá mè” trong khuôn viên hạn hẹp của “cái khách sạn ngàn sao” cho tất cả những người hiện diện!

+ Một đồng củi thông to tướng đốt lên trước mặt.

+ Các củ khoai, trái bắp được ném vào lửa.

+ Một ấm trà đặt trên lò than bằng đất.

+ Những câu chuyện ma quỷ, Kinh-Thượng lần lượt được kể ra trong tiếng lửa reo.

+ Tất cả đều chu toàn để sẵn sàng “*gọi hứng cho giòng văn chương của Cô Bông Giấy*” (anh K’ Jim nói).

*

* *

[Đêm nay Sept. 23/2019, trên xứ Mỹ xa xôi, ngồi úp mặt vào đôi tay mà ký ức dâng trào thương nhớ. Nhớ những cơn gió rạt rào trên ngọn thông cao nghe như tiếng ru của Mẹ hiền trên các câu ca dao buồn thảm; nhớ tiếng sương rơi rung rức khi trời đã quá khuya; nhớ căn bếp có cái lò nung bằng đất sét được cô Lý dùng nấu nước sôi pha cùng nước lạnh cho tôi và Âu Cơ tắm buổi sáng; nhớ tiếng ễnh ương kêu ộp ộp nơi con suối bên đồi; nhớ những đêm không trăng sao mấy cô cháu soi đèn đi bắt ếch; nhớ cái chòi WC lộ thiên đầy ruồi nhặng vo ve nơi mép bìa rừng; nhớ đôi mắt trung hậu của anh K’ Jim; nhớ khuôn mặt đẹp của mấy mẹ con cô Lý; nhớ các đứa em người Kinh; nhớ các đứa cháu người Thượng... Những cái nhớ liên hồi đến làm cho trái tim đau đớn...]

Ở ba vụ nghỉ hè 2006, 2007, 2008, tôi đã chạy trốn nước Mỹ tìm về Dalat; rồi cũng chạy trốn một *Dalat-mới-ngồn-ngang-cao-ốc-của-lớp-Bắc-Kỳ-nhà-giàu-nổi* để chạy tìm *một-Dalat-cổ-mái-tranh-vách-ván-của-những-người-Dalat-xưa*.

Trong các ngày tháng đó, ở các đêm sâu đó, tôi **biết mình (CÓ) tìm ra hạnh phúc**.

Thứ hạnh phúc “*thể hiện trên những cái cười rạng rỡ của Âu Cơ và lũ trẻ, ở những cuộc chơi ban ngày lội suối băng rừng, hái café, lật rau bí luộc chấm xì dầu pha ớt hiểm; hạnh phúc ở những khuya ngồi co ro khít sát bên nhau trong căn bếp bảm đen màu khói, dưới ánh sáng củi lửa, các cô cháu chia nhau từng sợi mì gói, chuyền tay nhau từng miếng thuốc lá, nghe ngoài trời sương rụng tí tê, nghe gió buồn nỉ non khúc hát.*”

Thứ hạnh phúc vô tội, giản đơn, không cần hỗ trợ chút gì bởi văn chương, âm nhạc; không vắn vượng gì theo triết lý, khoa học. Thứ hạnh phúc một đời đi tìm không thấy! Vậy mà chỉ trong một lúc bất ngờ, “**nó lù lù hiện ra**” từ âm giọng reo vui bên kia đầu giây điện thoại cách xa nửa vòng trái đất theo tin báo:

“*Cô BG và em Âu Cơ sẽ lại trở về Dalat mùa hè năm nay trên một chuyến bay!*”

(Trích Viết Cho Người “Đã Chết”, Tâm bút TTBG, NXB Văn Uyển 2017.)

*

**

Giờ đây, nhìn lại mọi chuyện xảy ra trong ba vụ hè mà kinh ngạc.

Tôi tưởng đã **vùi chôn** được hẳn rồi một Dalat, một Nha Trang hay một Sài Gòn tận sâu trong ký ức từ ngày bỏ quê hương ra đi; nhưng quả là không đúng!

Năm ngoài ngôi đọc cuốn Bốn Chị Em của Kiều Mỹ, viết những câu chuyện thật xảy ra trong căn nhà Yên Đỗ quãng đời trước và sau 1975, tôi mới **hiểu ra** cái tình lưu luyến Sài Gòn cao đến cỡ nào trong tâm hồn đứa em gái bị trầm cảm.

Vậy mà em can đảm hơn tôi trong hành động gói kín nỗi nhớ thương vào 600 trang giấy chứ không muốn nhìn lại một Sài Gòn “*bây giờ của tụi Việt Cộng!*” + Em dứt khoát chối bỏ (hơn tôi) khi cất tiếng thề “*cho đến chết cũng không bao giờ quay lại chốn xưa!*”

Còn tôi?... Sao cứ mãi đi tìm trong tuyệt vọng những gì đã mất?

Tôi có lý hay em tôi có lý?

Không thể biện giải cho chính xác.

*/ Đứng trên mặt Con Người và Không Gian thì rõ ràng là tôi SAI.

*/ Nhưng trên tính gạn lọc của Thời Gian, cũng không thể chối bỏ của tôi cái phần ĐÚNG đó.

Ở đây phải xác nhận một điều, tôi KHÔNG đi tìm những con người Sài Gòn, Dalat hay Nha Trang từng-đi-qua-đời-tôi-một-thời-quá-khứ, mà chính là “**đi tìm Quê Hương đã mất**”.

Đừng nói “bốn mươi lăm năm kể từ ngày 30/4/ 1975 đây thống hận”, mà ngay trong “**một quãng thời gian rất ngắn**”, cái Ác, cái Bạc Bẽo vẫn dễ dàng lên ngôi trong xã hội và ngay giữa trái tim con người.

Vô Thường chính là như thế.

Nhưng rồi..., tự nhủ, GIÁ MÀ giọt nắng vàng những ngày mùa hạ Sài Gòn **không** còn rụng trên hè phố! GIÁ MÀ buổi chiều Ba Mươi Tết **đã hết** cái cảnh “*không gian như khóc và thời gian như nuối tiếc thờ dài*” thì tôi đã **quên hẳn** Sài Gòn lâu rồi! (Những cái Giá Mà này giết lòng tôi từng chặp).

Đàng này...

Trong Nha Trang, từng đợt sóng vẫn đêm ngày ai oán rền vang trên biển lạnh. Trong Dalat, sương mù tháng 3 vẫn dày đặc không gian, che kín bầu trời... Vậy hỏi, làm sao tôi quên cho được?

Cái tôi đi tìm chính là Cái Còn chứ không là Cái Mất. Cái gì Mất thì đã mất rồi, nhưng với Cái Còn, làm sao tôi có thể quay lưng?

Bài viết hôm nay chỉ là lời tri ân nói ra với tất cả những con người từng hiện diện trong kỷ niệm tôi ở các mùa nghỉ hè Dalat - Nha Trang & Sài Gòn huyền diệu. Tri ân, bởi chính Họ (như lời anh K' Jim) đã là nỗi Hứng Cảm hiện-diện-văng-mặt không ngừng cho các Con Chữ Dịu Dàng giữa trái tim tôi.

Trên hết, tri ân, bởi những kỷ niệm **còn là** sợi giây mỏng manh kéo lên niềm tin đã tuột dốc trong tôi về một Dalat xa xôi vụn dậm... (Một Dalat bây giờ chỉ có thể tìm gặp được trong các giấc mơ!)

□

(Đoạn này viết xong tại San Jose, thứ Ba,
Sept. 24/2019 11:17 khuya.)

□

III.

Dalat không phải là nơi tôi chào đời, nhưng nói về kỷ niệm Dalat từng trải qua thì nhiều vô kể. Dù vậy không phải kỷ niệm nào cũng được tôi ấp ủ. Có những cái cần phải quên (và quên thật nhanh) để khỏi lây nỗi buồn sang cho những điều tuyệt vời khác. Dấu ấn Thời Gian hằn lên trên từng quầng đời tôi đã sống **xuyên qua** tình cảm, con người, cảnh sắc khi đó... là điều **quyết định** cho kỷ niệm “vẫn được nhớ hoài” hay “phải quên bém đi!” trong trái tim tôi.

*/ Những lời viết của Uyên Thao ở một lá thư:

“Tôi thấy thật buồn nhưng cũng mừng cho BG khi cuộc sống BG cứ gắn bó hoài với những hình bóng. Đường như sự nâng niu cô đơn và nâng niu nỗi tuyệt vọng cũng là một nét đẹp và có thể còn là nét đẹp đặc biệt của đời người.”

*/ Trong Trân Sa, Nguyễn cũng viết:

“Người xưa còn sống trong cuộc chết đã thành vĩnh viễn. Chỉ có nàng, ta thương nàng thật nhiều ở điểm này, nàng cứ âm ỉ mãi trong lòng hình ảnh xưa. Điều ấy không có nghĩa tâm thương. Ở những người khác, kẻ đã chết trong cuộc sống thì chết hẳn rồi. Nhưng với nàng, kẻ chết trong cuộc sống vẫn sống mãi, đeo đẳng đến khổ sở.”

*/ Em gái Kiều My lại nói:

“Tình cảm chị rất khó dò. Chẳng biết chị yêu ai. Ai cũng có thể nghĩ rằng đang được chị lưu tâm mà thật thì chẳng ai dám tin là mình nắm rõ điều đó.”

Cả ba lời đều đúng.

Nhưng đúng hơn hết với tôi chính là ý nghĩ:

“Mọi người mọi việc trong đời đều được tôi ví như bàn tay hai mặt. Luôn luôn tôi chọn lòng màu trắng giữ lại. Còn lớp da phía trên hễ càng sần sùi xấu xí bao nhiêu thì tôi lại càng dứt bỏ mau lẹ bấy nhiêu.”

“Những lòng bàn tay màu trắng” từng nhìn thấy trong nhiều mùa hè Dalat rồi sẽ được ghi ra hết qua những con chữ dịu dàng chung thủy. Những nhân vật Dalat đi-quia-đời-tôi-và-Âu-Cơ thời gian ấy cũng RẤT XỨNG ĐÁNG để “đòi cho được một vị trí đứng trân trọng” giữa trái tim và trên các trang sách của tôi.

*

* *

Bây giờ viết tiếp về Lộ, đứa học trò” người Thương.

(Vợ anh K’ Jim kể):

“Một buổi sáng tháng Chín năm 1986, mang cái bầu, oằn đôi vai gánh than từ Lạc Dương ra chợ Dalat bán, em đau bụng, để rớt thẳng Lộ bên đường. Do đó mà có tên Lộ, dù trong khai sinh nó là Bông-đình Tuyển.”

Khởi từ dáng vẻ rụt rè, lấp ló nép trong hốc cửa căn chòi trên rẫy café của chú Thương đầu mùa hè 2006, Lộ trở nên dạn dĩ, thân mật hơn với tôi và Âu Cơ suốt những mùa hè sau.

(Nhắc kỷ niệm “lần đầu biết cô BG”, Lộ nói:

-Bữa chiều đó con chở choé rượu cần (cô BG nhờ bố con mua) qua nhà chú Thương. Tới nơi, thấy nhiều thanh niên trai gái xúm xít quanh Cô. Cô đang trao quà cho họ, luôn mấy đứa con chú Thương cũng được. Chừng thấy mặt con, biết con là con bố K’Jim, Cô la lên: “A! Cô hết quà rồi. Để Cô cho con một trăm ngàn thế vào”. Con không dám nhận, nhưng Cô cứ dúi vào tay con bắt phải nhận.

Tôi cười:

-Kỷ niệm này, Cô đã quên khuấy, sao con còn nhớ?

Lộ cũng cười:

-Làm sao con quên? Đó là ấn tượng dễ chịu và ám áp đầu tiên Cô gieo vào lòng con.

Có thể nói, SAU Tuyên, Lộ là đứa được tôi thương nhất. Nhưng cũng phải viết, HỒN CÁ Tuyên, Lộ lại là đứa ghi dấu nhiều kỷ niệm vui buồn với tôi lâu dài nhất.

Dáng gầy cao, da ngăm đen, tính tình điềm đạm, cái cười lộ chiếc răng khuyết, nơi Lộ có tính cách một chàng trai người Kinh (hơn Thượng). Vợ chú K' Jim hay nói:

“Thằng Lộ rất thương chị. Em giao nó làm con nuôi của chị!”

Tấm lòng dành cho tôi (và Âu Cơ) được tôi âm thầm đánh giá bằng kinh nghiệm sắc bén của một con người từng trải qua rất nhiều hoàn cảnh, thượng vàng hạ cám đều nếm đủ.

Một lần, nghe Lộ kể:

-Ông Galiband người Úc, quen với bố con trước 1975 khi hai người còn làm chung trong Bộ Sắc Tộc. Sau 1975, ông về Dalat làm việc với nhà nước CS, tình cờ gặp lại bố, được bố đưa lên rẫy café chơi, thích lắm. Bố biểu con hằng ngày túc trực trước khách sạn Palace, làm tài xế chở ông đi đây đi đó. Bố biểu con cũng làm. Nhưng khi ông Galiband đi công tác Hà Nội, đề nghị mua vé máy bay cho con theo, bao khách sạn ăn ở, thì con từ chối, biểu thằng Đức con chị Phụng thế vào.

Lộ nói thêm:

-Với Cô và em Âu Cơ, tới đâu con cũng đi, chứ còn ông người Úc thì không.

Tôi ngạc nhiên:

-Sao vậy? Cô đâu có tiền ăn ở khách sạn Palace sang trọng như ông.

Lộ đáp nhanh:

-Nhưng Cô có cái tình cho con. Nơi Cô không có chút gì làm phách. Cô không khiến con mang mặc cảm mình là người Thượng nghèo khổ ít học. Cô cho con tấm lòng, Âu Cơ coi con ngang hàng như một người bạn hay một người anh.

Trầm ngâm một lát, Lộ tiếp:

-Có lẽ Cô đã quên, nhưng con thì vẫn nhớ hoài cái đêm cả đám 7, 8 người mình đi xuống Phi Nôm, cô Mỹ Vân mời ăn cơm, có bố mẹ đi cùng. Đến nơi, trước thái độ lạnh lùng của chú Quang khi nhìn thấy đám Thượng nhà con, Cô giận, không ăn một miếng, và cũng dặn con với anh Thiện, thằng Đạt không được uống rượu để còn vững tay lái quay về Dalat. Sau đó, trong quán bún bò bà Luống ở ấp Ánh Sáng, Cô đã nói với bố mẹ: *“Chị đi chơi với ai thì phải có trách nhiệm với người đó. Kinh hay Thượng cũng đều là con người, sao lại phân biệt? Thôi thì thà cùng nhau về ăn bún bò ở đây ngon hơn là ăn bữa ê hề ở nhà cô Mỹ Vân.”*

Lộ cười:

-Con cũng nhớ, bữa đó từ Phi Nôm về, tới chân đèo Prenn thì trời đã rất tối, mình ngừng xe lại hút điều thuốc, ai cũng cười ha hả vì sự quyết định bỏ đi của Cô, còn chú Tuyên thì ôm Cô để nói lên lời cảm kích.

Tôi bắt đầu hiểu Lộ từ đó.

*/ **Sau mùa hè Dalat 2007**, về Mỹ, tôi gửi sang 200 dollars cho hai đứa Lộ & Đạt đóng học phí đi học nghề sửa xe gắn máy.

Hè năm sau 2008, về Dalat, biết chỉ mình Lộ chu toàn việc học (“*ngày hai bữa xách com từ nhà đến xưởng*” -lời cô K’Jim và “*Ông thầy nói: Tình thương cô BG dành cho mày không kém gì mày đã nhận từ bố mẹ*” lời Lộ), còn Đạt bỏ “*đi lấy chồng*” theo chế độ mẫu hệ, cư trú Dasar, dưới chân đèo Dalat.

Nghe cô Lý nói:

-Vợ chồng em mang ơn chị, còn thằng Lộ thì rất thương chị nên thấy rõ ràng nó cố gắng sống sao cho xứng đáng là con của chị.

Tôi cho Lộ ít tiền mua đồ nghề mở một cái tiệm sửa xe bỏ túi qua ngày.

*

**

*/ Ngoài những kỷ niệm chung trong các cuộc chơi nhiều người, Lộ còn tỏ ra cho tôi thấy nỗi quan tâm theo những mối buồn riêng tôi tận tình che giấu ở mùa hè **Dalat 2015 và 2016**, thời gian mà tất cả các đứa nhỏ đều đổi thay, Ngọc Nga đã chết, chú Tuyên, Liễn, Cường và Đạt đã có vợ, đặc biệt Âu Cơ quay mặt tàn tệ ngay tại Dalat với tôi. (Khuôn mặt và thái độ Âu Cơ thời gian ấy thật là những điều bóp nát trái tim tôi hơn tất cả, lúc này –Oct. 2019- nhớ lại vẫn còn rùng mình muốn trốn chạy).

Ở hai mùa hè **Dalat 2015 và 2016**, tôi y như người đang chết trong cuộc sống miễn cưỡng, đôi chân bước đi, nhịp tim vẫn đập mà cái đầu ử ê hoảng loạn.

Trong hoàn cảnh đó, chỉ mỗi Lộ là *người duy nhất* còn lại bên tôi, hiểu rõ nỗi thống khổ giấu kín của tôi, cố gắng lấp đầy giùm tôi những giòng nước mắt chảy ngược vào tim bằng tiếng violon hằng chiều đưa tôi đến khách sạn Palace, cùng chú Hiền pianiste hòa tấu.

Lộ chưa bao giờ nói ra với tôi những lời thương mến ấp đầy như tôi từng nghe chú Tuyên, nghe Âu Cơ, hay mọi đứa khác nói. Nhưng mà Lộ “làm” bằng ánh nhìn thông cảm mọi đau đớn tôi đang trải.

Những đêm từ Palace đón tôi về Lạc Dương, sau khi giăng mùng trải chiếu trên chiếc giường nhường cho tôi ngủ, phen Lộ nằm ở tấm nệm dưới đất bên cạnh (“*cho Cô khỏi sợ ma!*”), Lộ đốt lên một lò than đặt bên ngoài sân, pha cốc café, cùng tôi ngồi sưởi ấm, hút thuốc lá, nhìn bầu trời đầy sao, lắng nghe tiếng núi rừng than thở (như chính trái tim tôi đang ứa ra những giọt huyệt lệ.)

Ân tình to lớn tôi mang từ Lộ chính ở những lúc như vậy.

Trong đời, chỉ những khi cùng đường tuyệt vọng mới biết “*Ai là Ai?*”

*

**

Viết về Lộ là tôi muốn vinh danh những gì đẹp đẽ hiếm hoi trong tâm hồn một thanh niên trẻ người Thượng ở thời-đại-Google-tình-cảm-con-người-(luôn-tình-mẹ-con)-đều-trở-thành-cứng-ngắc mà bản chất-nhà-văn-nghệ-sĩ-tôi đã *rất may mắn tìm thấy*.

Những Con Chữ này đâu chẳng bao giờ Lộ biết để mà đọc đến, nhưng tính chất Dịu Dàng tôi dành đáp trả vẫn đầy ắp trên chúng.

Những đêm ở Lạc Dương, hay những lúc ở quán café đang sắp xây dựng với Hoàng Hà Giang trên đường Bùi Thị Xuân Dalat mùa hè 2016, tôi nghe Lộ nói (qua những tỏ bày ngôn ngữ hạn hẹp):

-Con học được rất nhiều điều ở Cô, từ cách cư xử nhẹ nhàng cho tới lời ăn tiếng nói thanh lịch. Cô không giống bất kỳ ai con đã gặp. Bề ngoài Cô bình dân không kهنh kiêu; vậy mà từ bên trong, cả một sức mạnh như ngọn lửa lan tỏa làm ấm áp mọi kẻ đứng gần. Con nhớ cái lần con chở Âu Cơ từ Phi Nôm về Dalat, phía trước là xe thàng Đạt chở Cô; đến một khúc, bị một lũ công an thối còi bắt tấp vào, trong khi xe thàng Đạt đã chạy thoát. Con và Âu Cơ chưa biết làm gì thì bỗng thấy Cô từ xa đi bộ ngược trở lại. “*Cái dáng Mẹ nhỏ bé mà thật là mạnh mẽ*”, hai anh em bật nói với nhau rằng “*chưa bao giờ thấy vui mừng cho bằng khi đó nhìn thấy Cô.*”

(Cười):

-Con thương Cô như thương Mẹ. Nhưng Mẹ không hiểu con cho bằng Cô hiểu con đâu.

*

**

*/ **Tháng 5. 2016**, về VN dự đám cưới Âu Cơ, Vân San dự trù sẽ cùng Ngọc Tú book vé cho tôi đi du lịch Thái Lan. Tôi đề nghị:

-Nếu muốn Mẹ đi thì nên cho thàng Lộ cùng đi. Phần vé nó, để Mẹ trả. Nó là đứa duy nhất lui tới an ủi Mẹ trong lúc đau khổ cùng cực theo Âu Cơ năm 2015 ở Dalat. Mẹ muốn đáp đền ân tình của nó.

San hỏi:

-Mẹ đã cho nó quá nhiều rồi, còn đền đáp gì nữa?

Tôi đáp:

-Đã gọi ân tình thì không vật chất nào có thể đáp đền cho đủ. Thôi thì để Mẹ ở lại Nha Trang hay Dalat, khỏi cần theo San - Tú đi Thái Lan làm chi.

Vùng vàng một hồi rồi San cũng “xuống giọng”:

-Mẹ đã muốn vậy thì gọi về biếu thàng Lộ làm passport, gửi qua cho con để book vé Thái Lan.

(Với chuyện đi chơi một tuần này, về sau nghe cô Lý nói:

-Em cảm ơn chị không hết. Chị cho cháu đi Thái Lan với San và chị, thật là một đại vinh dự cho gia đình em trước mặt xóm làng.)

*

**

***/ Tháng 8/2018** tôi theo San về VN đón Ngọc Tú qua Mỹ.

Suốt ba tuần trong một khách sạn ở Nha Trang, tôi chỉ sống với Người Văn Chương, tâm trạng ủ ê theo hình ảnh từng tốp Tàu Cộng om xòm đường phố nên không hề bước chân ra biển, hằng ngày có đưa em họ đều đặn mang cơm đến.

Lúc bấy giờ gọi về Dalat cho Lộ thì biết Lộ đã có vợ con. Qua điện thoại, Lộ nói:

-Ngày mai con sẽ chạy xe xuống thăm Cô, ngủ lại một đêm. Con cũng có nhiều điều muốn tâm sự với Cô.

Tôi hỏi:

-Nhưng vợ con có bằng lòng không?

Lộ đáp giọng chắc nịch:

-Vợ con đã nghe con kể rất nhiều về Cô. Bởi vì phải thay con làm rẫy, chứ không, nó đã theo về thăm Cô.

Vậy là “*trộn một ngày đi chơi với Cô BG*” (cùng Diêu Cự) khắp làng trên xóm dưới của Nha Trang, vào tận trong núi đồi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh (điều, khiến Diêu Cự rất ngạc nhiên “*không ngờ cái hấp lực tình thương của chị có thể làm lay động trần trề trái tim một đứa nhỏ như Lộ, nếu hôm nay không chứng kiến, em không thể tin được*”).

Ngồi sau lưng, tôi nghe Lộ nói:

-Con đường từ Dalat xuống Nha Trang ghi đậm hình ảnh Cô và Âu Cơ, đi đến đâu là con lại nhớ đến đó, dù là đi một mình hay đi với vợ. Có khi ngừng xe hút thuốc, con âm thầm hồi tưởng: “*Chỗ này nghỉ chân ăn bánh mì với Cô, Âu Cơ, chú Tuyên và tụi thằng Liên, thằng Cường, thằng Đạt, anh Thuận, chị Phụng. Chỗ kia ngừng duỗi căng duỗi tay...*” Vợ con ngồi bên không biết những gì con đang nghĩ, mà con thấy cũng khó lòng nói cho nó hiểu những quý giá của kỷ niệm đã trải cùng Cô và Âu Cơ những mùa hè đó.

Xong cười, cái cười răng khuyết:

-Mai một đám con con lớn lên, ngồi bên bếp lửa, kể lại cho chúng nghe mọi điều ấy, có lẽ là thú vị lắm. Người ta hay định giá chữ “giàu” bằng tiền bạc, vật chất; còn con, ngay từ khi gặp Cô và Âu Cơ, con thấy rõ là mình đã “giàu” rồi!

(Tôi thật không ngờ chính tai mình được nghe những lời chí tình của một đứa nhỏ chỉ lớn hơn Âu Cơ một tuổi!)

Tôi đáp lời Lộ:

-Con nói thì Cô mới nói theo. Chính cái “giàu” con vừa định giá mới THẬT SỰ là của riêng con mà chẳng bất cứ ai trên đời, ngay đó là cha mẹ, vợ con, có thể tước đoạt được. Tình Thương Chân Thật cho đi và nhận lại mới đáng gọi là gia tài quý báu. Chẳng những thế, con còn có thể ban phát cái giàu ấy ra cho con cháu chung quanh.

*

**

Hai chữ “học trò” tôi dùng cho Lộ trong loạt bài này mang ý nghĩa sâu sắc hơn hằng ngàn trang giấy, hàng vạn cây bút. Bài học chia xẻ (mà không là dạy bảo) chỉ khởi đi từ một tấm lòng. Một người lớn và một đứa nhỏ, một

người Kinh và một người Thượng, một nhà văn và một kẻ ít chữ nghĩa... tất cả không có gì quan trọng trong cái nhìn riêng tôi ngoài một trái tim có luồng máu đỏ.

Hằng ngày trên nước Mỹ, đọc qua màn ảnh các cái tin ghê gớm theo sự suy đồi đạo đức thời đại Google, tôi chợt cảm động nhận biết ra mình là người *thật đã rất may*.

Lòng tri ân không phải chỉ dành cho thể nhân trên từng sự kiện nhỏ bất gặp từ trước, mà còn dâng lên Thượng Đế (nhất là ngay chính lúc này ngòi viết lại kỷ niệm “đưa học trò tên Lộ ở Dalat”).

Tôi cảm ơn Ngài đã cho tôi nhìn thấy rất nhiều thống khổ, nhiều hoàn cảnh, nhiều mẫu người khác nhau trong cuộc sống. Hơn tất cả, cảm ơn Ngài đã cho tôi trở thành một nghệ-sĩ-nhà-văn để có thể chia sẻ lại những cái Đẹp nào đã được rút ra từ những Con Người, Hoàn Cảnh nói trên.

Đó là một đặc ân không phải ai cũng được Thượng Đế ban phát. Vậy, đã nhận rồi, tôi TỰ BIẾT PHẢI LÀM SAO để đáp đền Ngài trong vị trí riêng tôi.

□

Trần Thị Bông Giấy
(Bài viết xong tại San Jose, thứ Năm Oct. 24. 2019 4:05 chiều.)
*/ Ghi nhớ một lần “Adieu pour toujours!”